



Kinh tế vi mô II

Thời gian môn học

- Lý thuyết : 40 tiết;
- Bài tập: 5 tiết

Tài liệu tham khảo

- Kinh tế vi mô II: ĐH kinh tế Quốc dân
- Kinh tế vi mô: ĐH Kinh tế TP HCM
- Kinh tế học vi mô: Đại học kinh tế Quốc dân

Cách tính điểm

- Điểm thi cuối kỳ: 60%.
 - Thi giữa kỳ: 20%
- Chuyên cần + bài tập: 20%



Chương 1


Kinh tế vi mô và các khái niệm cơ bản
về cung và cầu

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1. Kinh tế vi mô


* Kinh tế vi mô: là môn khoa học nghiên cứu phân tích và lựa chọn các vấn đề kinh tế cơ bản của các tế bào kinh tế trong nền kinh tế. (Như cung, cầu, tiêu dùng cá nhân, sản xuất, chi phí, giá cả, lợi nhuận, cạnh tranh, độc quyền...

Nó tập chung nghiên cứu các hoạt động hoặc các hành vi cụ thể của từng đơn vị kinh tế riêng lẻ. Các đơn vị gồm có các doanh nghiệp, người tiêu dùng và chính phủ



KTVM giải thích lý do và cách thức mà các đơn vị kinh tế này đưa ra các quyết định kinh tế. Ví dụ: KTVM giải thích việc người tiêu dùng đi đến quyết định mua như thế nào, và sự lựa chọn của họ bị tác động ra sao bởi sự thay đổi của giá cả và thu nhập.

KTVM giải thích về việc các doanh nghiệp tuyển lao động như thế nào và tuyển bao nhiêu, về việc công nhân quyết định làm việc ở đâu và làm bao nhiêu...



Một lĩnh vực quan trọng khác mà KTVM quan tâm đó là tương tác giữa các đơn vị kinh tế để hình thành các đơn vị lớn hơn (các thị trường và các ngành)

VD: KTVM giúp chúng ta hiểu được vì sao ngành công nghiệp ô tô ở Mỹ lại phát triển như vậy và những người sản xuất và những người tiêu dùng tác động qua lại như thế nào trên thị trường ô tô.

KTVM giải thích giá ô tô được xác định như thế nào trên thị trường, các hãng sản xuất đầu tư bao nhiêu vào các nhà máy mới và sản xuất bao nhiêu chiếc ô tô mỗi năm

1.1.2. Phân tích thực chứng và phân tích chuẩn tắc

- Nhánh 1: Kinh tế học thực chứng

- Nhánh 2: Kinh tế học chuẩn tắc

- * Kinh tế học thực chứng

- Là mô tả các sự kiện, các hoàn cảnh và giải thích sự hoạt động của nền kinh tế một cách khách quan và khoa học.

- Kinh tế học thực chứng đòi hỏi giải thích và dự đoán

- Kinh tế học thực chứng thường liên quan đến các câu hỏi: đó là gì? tại sao lại như vậy? Điều gì sẽ xảy ra nếu.....?

VD: Mức thất nghiệp cao sẽ ảnh hưởng tới lạm phát như thế nào

Nhà nước đánh thuế một mặt hàng nào đó thì giá cả của các hàng hoá đó sẽ tăng lên còn giá cả của hàng hoá liên quan sẽ như thế nào.

* Kinh tế học chuẩn tắc

Kinh tế học chuẩn tắc đưa ra những chỉ dẫn hoặc khuyến nghị dựa trên những đánh giá theo tiêu chuẩn cá nhân. Hay nói cách khác kinh tế học chuẩn tắc hoàn toàn mang tính chủ quan.

Kinh tế học chuẩn tắc đề cập đến những vấn đề sẽ xảy ra

VD: Có nên dùng thuế thu nhập của người giàu giúp đỡ người nghèo hay không?

Lạm pháp cao đến mức nào thì thích hợp

Câu hỏi lựa chọn

1. Vấn đề nào sau đây thuộc kinh tế chuẩn tắc

- a. Mức tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2003 là 7,24%.
- b. Tỷ lệ lạm phát năm 2003 ở Việt Nam là 3%
- c. Giá dầu thế giới tăng hơn 3 lần giữa năm 1973 và 1974
- d. Phải có hiệu thuốc miễn phí phục vụ người già và trẻ em

2. Điều nào sau đây là tuyên bố thực chứng

- a. Tiền thuê nhà thấp sẽ hạn chế cung nhà ở.
- b. Lãi suất cao là không tốt đối với nền kinh tế.
- c. Tiền thuê nhà quá cao.
- d. Các chủ nhà nên tự do đặt giá tiền thuê nhà.
- e. Chính phủ cần kiểm soát các mức tiền thuê do chủ nhà đặt ra.

1.2 Chi phí cơ hội (OC: Opportunity cost)

Chi phí cơ hội là giá trị tốt nhất của phương án bị bỏ qua khi lựa chọn phương án khác.

VD 1:

Bạn có 100 triệu để kinh doanh bạn mất cơ hội gửi số tiền này vào ngân hàng. Chẳng hạn lãi suất ngân hàng 1%/tháng, nếu gửi ngân hàng 1 tháng bạn sẽ thu được 1 triệu. Vì vậy, chi phí cơ hội của việc để 100 triệu lại kinh doanh mà không gửi ngân hàng là 1 triệu.

Ví dụ 2

Khi lựa chọn đến lớp nghe giáo sư giảng bài, 1 học viên sẽ mất cơ hội gặp gỡ ký hợp đồng với đối tác kinh doanh hoặc mất cơ hội tham dự 1 hội thảo khác tổ chức cùng thời gian đó. Thời gian là nguồn lực khan hiếm nên nên không thể cùng một lúc thực hiện được cả ba phương án. Nếu lựa chọn đến nghe giáo sư giảng bài thì phương án tốt nhất bị bỏ qua đối với người học viên này là gặp mặt đối tác để ký hợp đồng. Cụ thể hơn, nếu hợp đồng đó mang lại cho anh ta 10 triệu thì có thể nói rằng chi phí cơ hội của việc đến lớp nghe giáo sư giảng bài là giá trị tốt nhất của phương án bị bỏ qua đó, tức là 10 triệu.

1.3 Đường giới hạn khả năng sản xuất

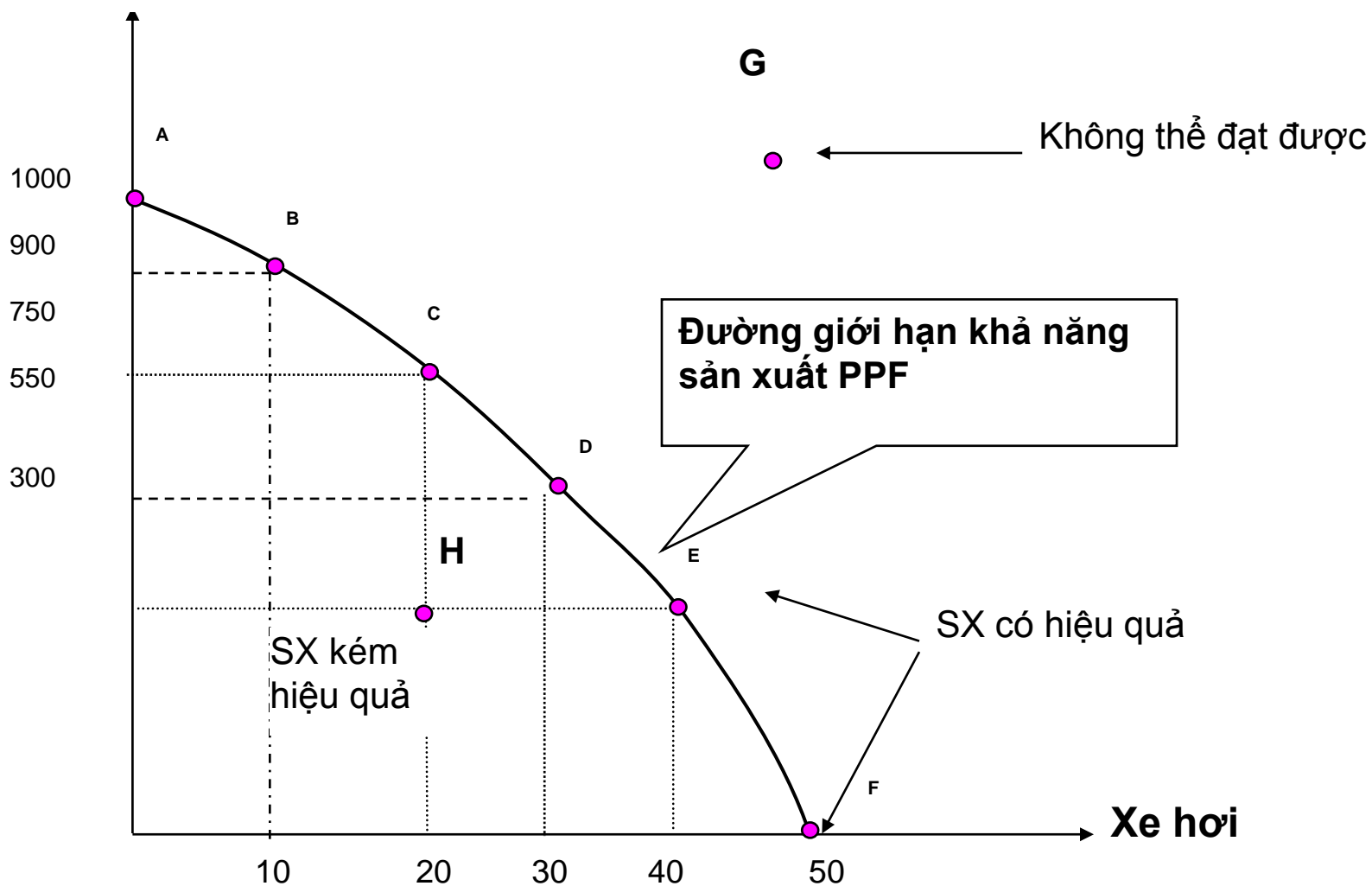
Đường cong năng lực sản xuất - đường giới hạn khả năng sản xuất PPF: Production Possibility Frontier)

Đường giới hạn khả năng sản xuất cho biết những kết hợp tối đa số lượng các sản phẩm mà nền kinh tế có thể sản xuất với lượng nguồn lực nhất định.

VD: Mặc dù nền kinh tế sản xuất nhiều hàng hoá và dịch vụ, nhưng chúng ta xét nền kinh tế đó chỉ sản xuất 2 hàng hoá: xe hơi và máy tính. Vì thế, ngành xe hơi và máy tính sử dụng tất cả các yếu tố sản xuất của nền kinh tế.

Khả năng	Máy tính (chiếc)	Xe hơi (chiếc)
A	1000	0
B	900	10
C	750	20
D	550	30
E	300	40
F	0	50

Máy tính



Nhận xét:

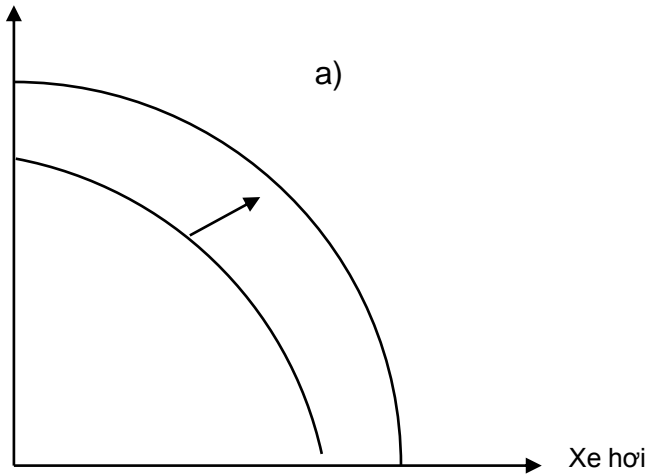
- PPF có hình dáng là đường cong lõm so với gốc toạ độ vì nó chịu sự chi phối của quy luật chi phí cơ hội ngày tăng .
- Những điểm nằm trên đường PPF là những điểm đạt hiệu quả tối đa.
- Những điểm nằm trong PPF là những điểm sử dụng lãng phí nguồn lực, không hiệu quả.
- Những điểm nằm ngoài PPF là những điểm không thể đạt tới.

Vậy nghiên cứu đường PPF để làm gì?

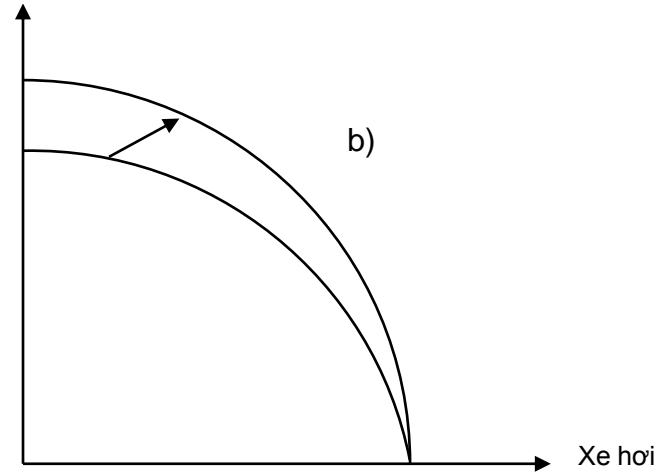
Đường PPF giúp người sản xuất có được lựa chọn tối ưu, sử dụng đầy đủ và hiệu quả các nguồn lực hiện có để thoả mãn được nhu cầu của con người và toàn xã hội.

Sự dịch chuyển của đường PPF

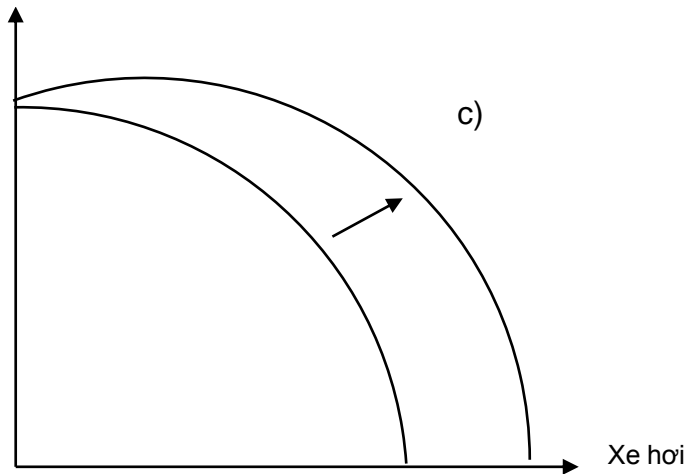
Máy tính



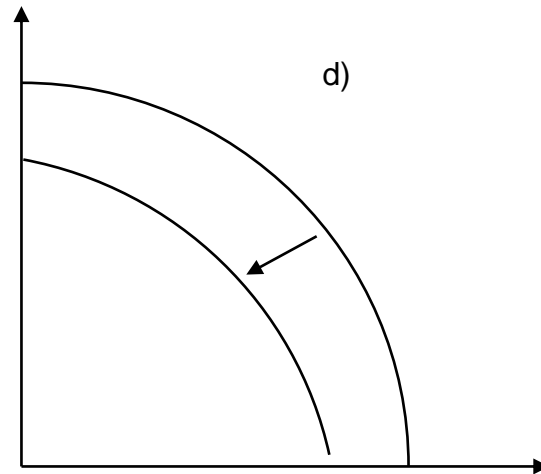
Máy tính



Máy tính



Máy tính



Đường PPF thể hiện quy luật chi phí cơ hội ngày càng tăng

- Nội dung quy luật : “khi muốn có thêm số lượng bằng nhau một mặt hàng nào đó xã hội phải hy sinh ngày càng nhiều số lượng 1 mặt hàng khác”

Ở VD trên:

Muốn sản xuất thêm 10 xe hơi hay chuyển từ khả năng sản xuất A sang khả năng B thì nền kinh tế phải từ bỏ không sản xuất 100 máy tính hay ta nói chi phí cơ hội của phương án B là 100 máy tính

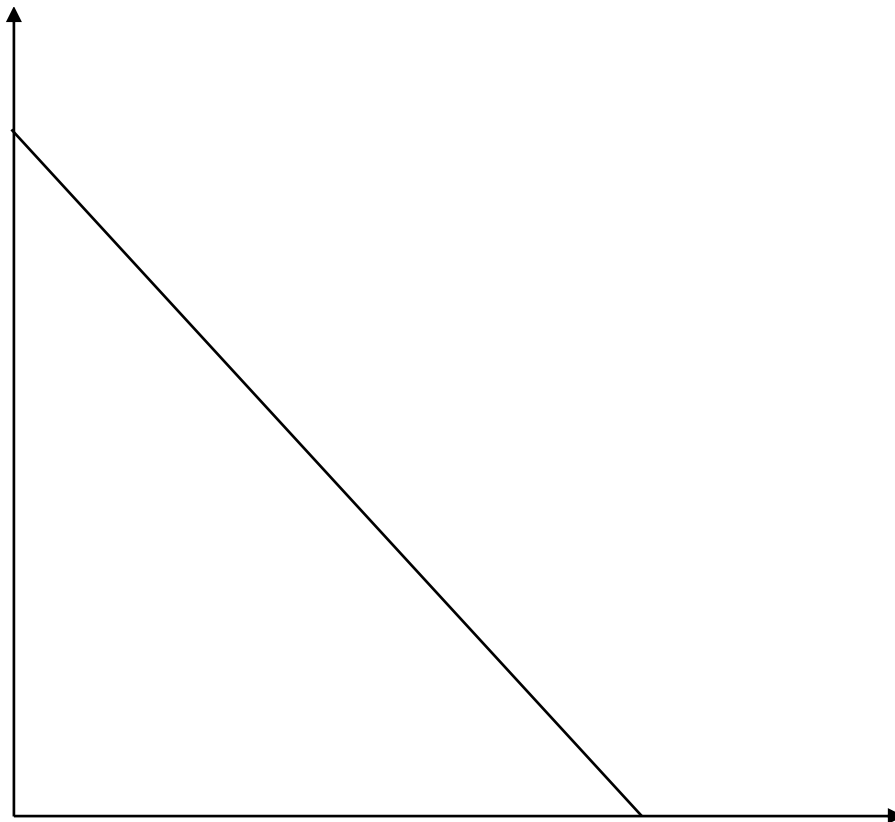
Nếu muốn sx thêm 10 chiếc xe hơi nữa (chuyển từ PA B xuống PA C) thì chi phí cơ hội là 150 máy tính

Tương tự như vậy nếu muốn sx thêm 10 xe hơi (chuyển từ PA E xuống PA F) thì chi phí cơ hội là 1000 máy tính

Như vậy ta thấy chi phí cơ hội tăng dần khi muốn sx thêm xe hơi

Nếu đường PPF là đường thẳng thì không thể hiện quy luật này vì có hệ số góc không đổi.

Máy tính



Xe hơi

1.4. Đường cung và đường cầu

1.4.1. Đường cầu và sự chuyển dịch của đường cầu

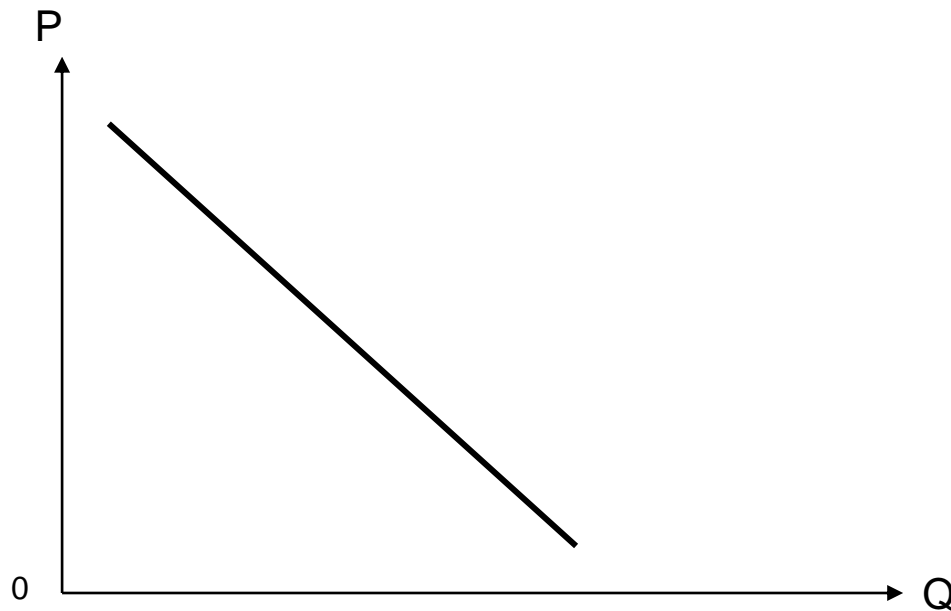
- Khái niệm cầu:

Cầu: là số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ mà người tiêu dùng mong muốn mua và có khả năng mua tại các mức giá khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định với giả định các nhân tố khác không thay đổi.

- Luật cầu

“Khối lượng hàng hoá - dịch vụ được cầu trong khoảng thời gian đã cho tăng lên khi giá cả của hàng hoá hoặc dịch vụ đó giảm xuống và ngược lại (trong điều kiện các yếu tố khác không đổi)”

- Đường cầu: là đường biểu diễn mối quan hệ giữa giá và lượng cầu
 - + Nhìn vào đường cầu ta có thể biết được ứng với mỗi mức giá khác nhau thì có lượng cầu khác nhau (với điều kiện các yếu tố khác không đổi)
 - + Đường cầu thông thường luôn có xu hướng dốc xuống từ trái qua phải vì khi giá của hàng hoá - dịch vụ giảm thì lượng cầu tăng lên - biểu diễn mối quan hệ tỷ nghịch giữa giá và lượng cầu.

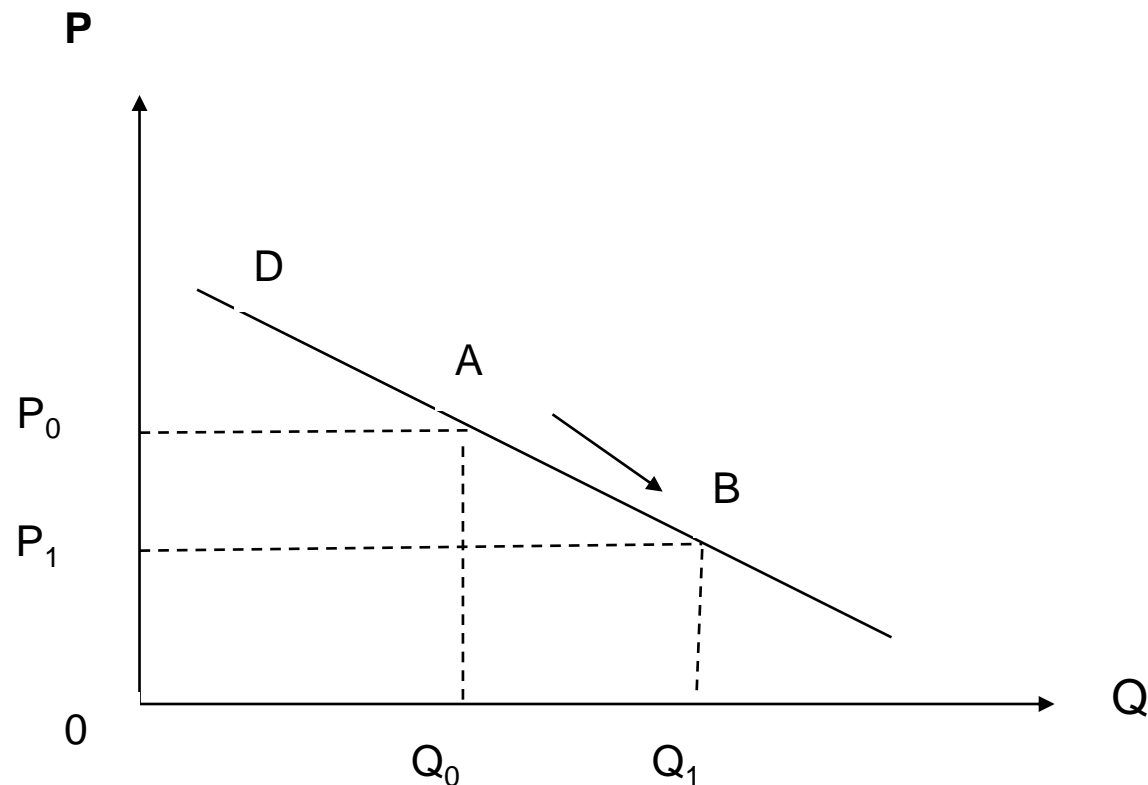


Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu

- + Giá của bản thân hàng hoá
- + Giá cả hàng hoá có liên quan
- + Thu nhập của người tiêu dùng
- + Thị hiếu của người tiêu dùng
- + Kỳ vọng của người tiêu dùng
- + Số lượng người tiêu dùng

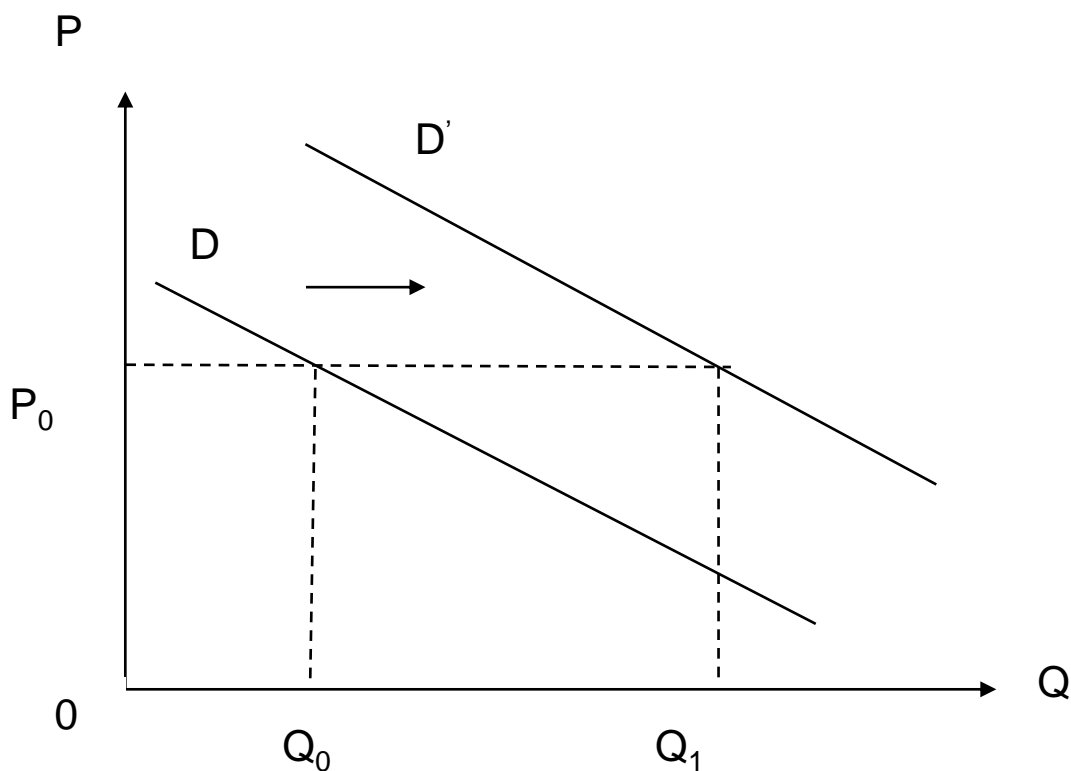
- Sự vận động và dịch chuyển của đường cầu

- + Sự vận động của đường cầu: Giá của hàng hoá hay dịch vụ đang nghiên cứu là nhân tố nội sinh. Khi giá hàng hoá thay đổi làm cầu thay đổi tạo ra sự vận động của các điểm trên một đường cầu.



+ Sự dịch chuyển của đường cầu:

các nhân tố còn lại có ảnh hưởng đến cầu là nhân tố ngoại sinh. Khi các nhân tố này thay đổi làm cho cầu thay đổi tạo ra sự chuyển của đường cầu (đường cầu thay đổi vị trí)



1.4.2. Đường cung và sự chuyển dịch của đường cung

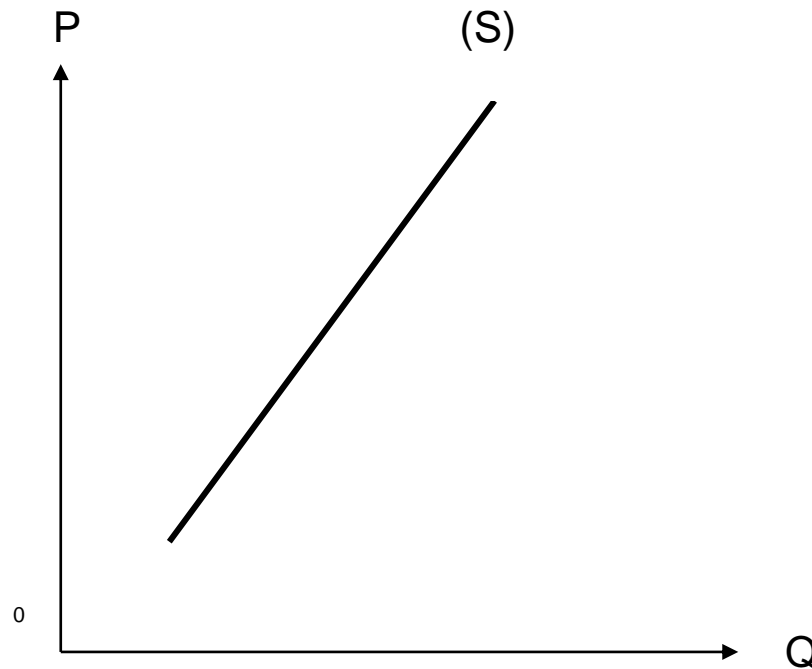
- Khái niệm cung

Cung là số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ mà người bán có khả năng bán và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định - với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

- Luật cung

“ Số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ được cung trong khoảng thời gian đã cho tăng lên khi giá cả hàng hoá tăng lên và ngược lại - với điều kiện các yếu tố khác không đổi ”

Đường cung:



đường cung là đường biểu diễn mối quan hệ giữa giá và lượng cung.

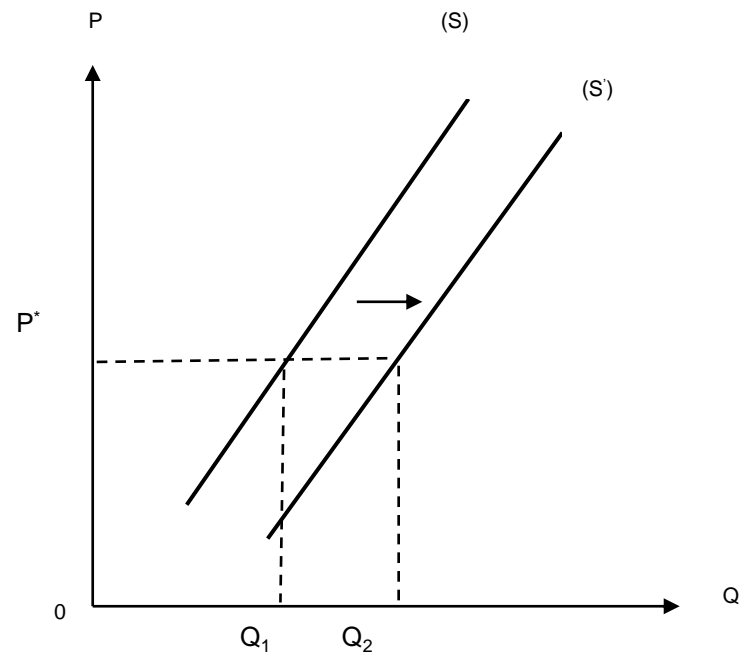
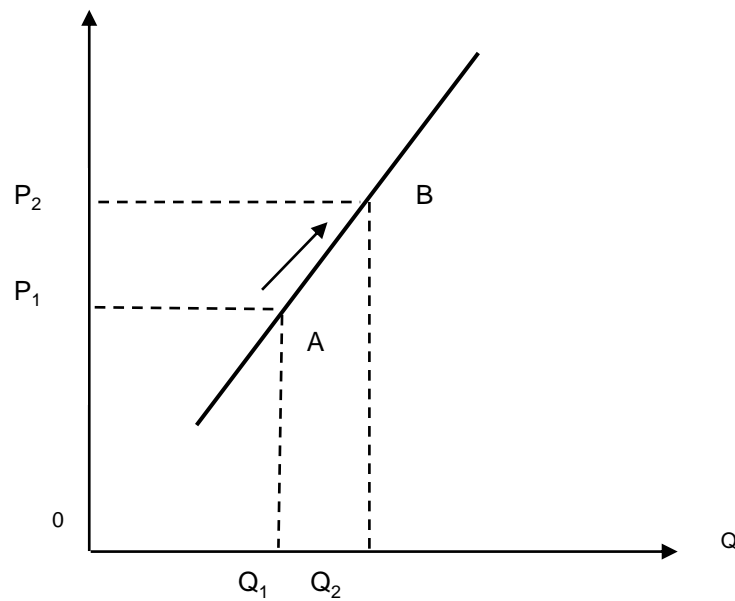
Đường cung thông thường có độ dốc thoải dần lên trên. Vì giá hàng hoá càng cao thì người sản xuất, các doanh nghiệp tăng cường sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn vì thế lượng cung sẽ tăng lên. Còn ở mức giá thấp các nhà sản xuất, người bán không sẵn sàng cung ứng (trừ khi được nhà nước trợ cấp) nên cung sẽ giảm.

-Các yếu tố ảnh hưởng đến cung

- + Giá của bản thân hàng hoá
- + Giá các yếu tố sản xuất
- + Các chính sách của chính phủ
- + Trình độ công nghệ
- + kỳ vọng của người bán
- + Số lượng người bán
- Sự vận động và dịch chuyển của đường cầu

+ Sự vận động của đường cung: Giá của hàng hoá hay dịch vụ đang nghiên cứu là nhân tố nội sinh. Khi giá hàng hoá thay đổi làm cầu thay đổi tạo ra sự vận động của các điểm trên một đường cung.

+ Sự dịch chuyển của đường cung: các nhân tố còn lại có ảnh hưởng đến cung là nhân tố ngoại sinh. Khi các nhân tố này thay đổi làm cho cung thay đổi tạo ra sự chuyển của đường cung (đường cung thay đổi vị trí)

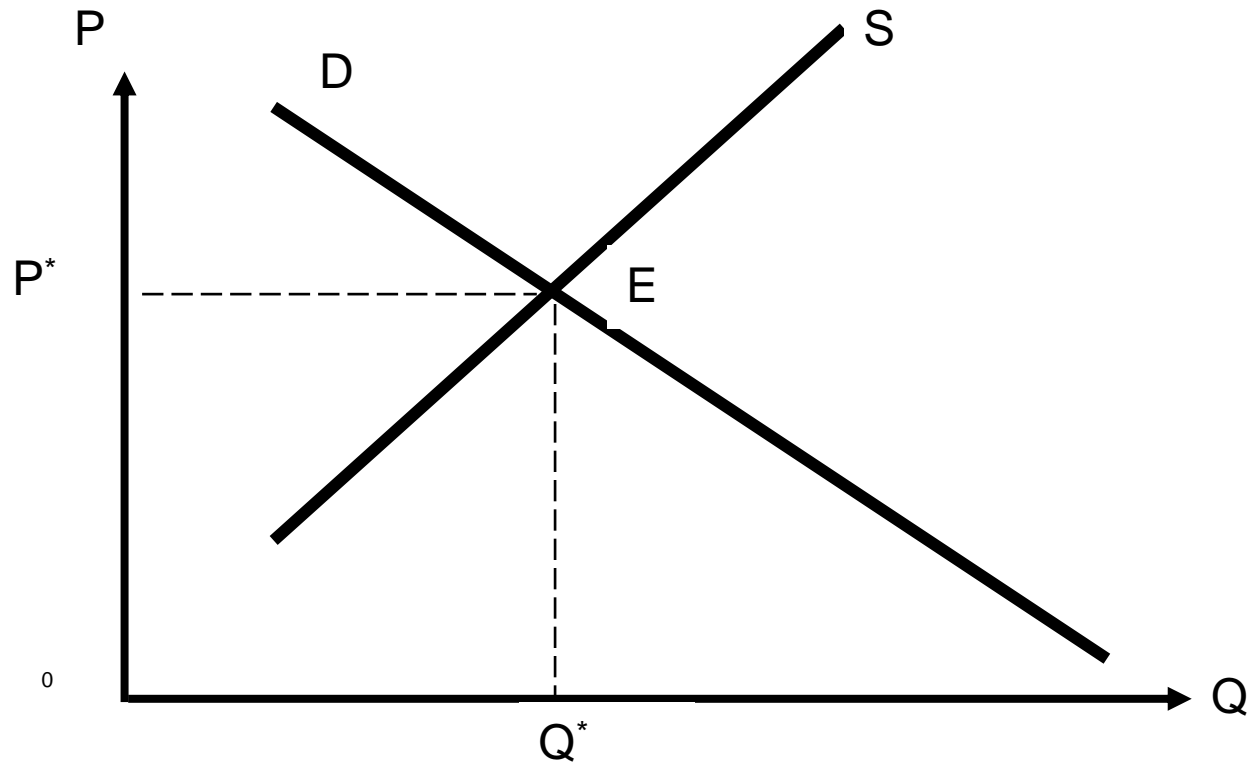


1.4.3. Xác định cân bằng giá và sản lượng

- Trạng thái cân bằng

Trạng thái cân bằng là trạng thái trong đó không có sức ép làm cho giá và sản lượng thay đổi.

Cân bằng thị trường xảy ra tại mức giá ở đó có lượng cung bằng lượng cầu.



P^* : giá cân bằng

Q^* : lượng cân bằng

E : điểm cân bằng

Cách xác định điểm điểm cân bằng

- Cách 1: Ghép biểu cung và biểu cầu với nhau

P	Q_D	Q_S	TT thị trường
50	7	39	Dư thừa thị trường
40	14	30	
30	21	21	CB thị trường
20	28	12	Thiếu hụt thị trường
10	32	3	

Cách 2

Xây dựng và giải phương trình cung - cầu

VD: Cung - cầu sản phẩm được xác định bởi phương trình sau:

$$P = 50 - Q$$

$$P = 12,5 + 2Q$$

Xác định giá và lượng cân bằng?

Bài làm

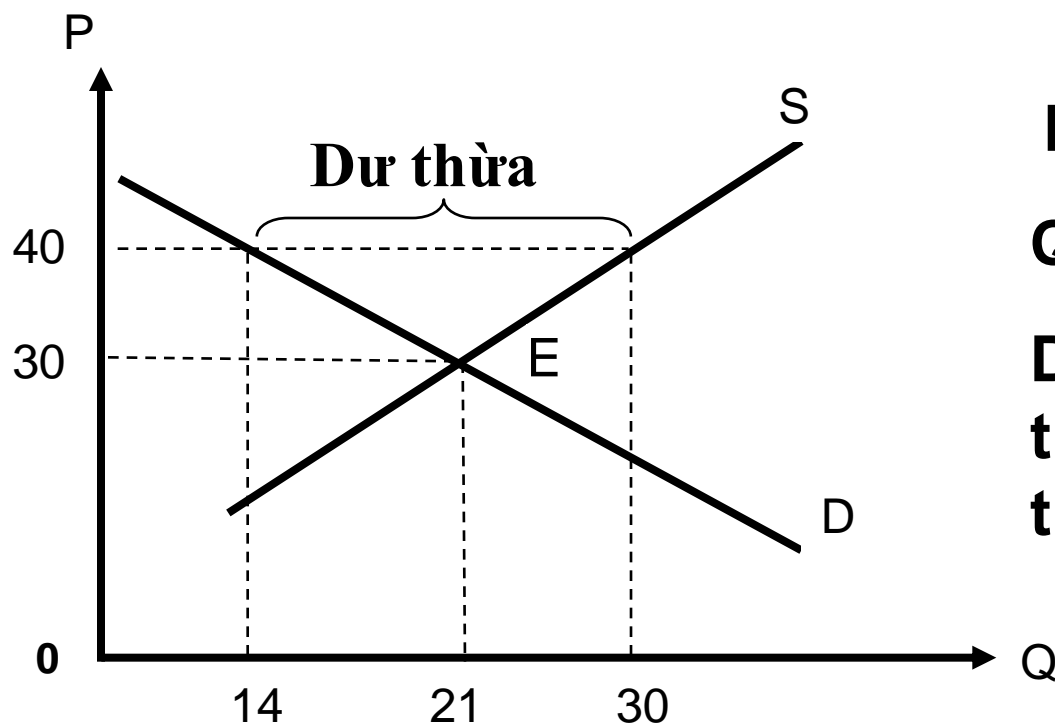
giải phương trình $P_D = P_S$, $50 - Q = 12,5 + 2Q$

được $P^* = 37,5$ $Q^* = 12,5$

1.4.4 Sự điều chỉnh khi cung hay cầu thay đổi

* Trạng thái dư thừa và thiếu hụt

Trạng thái dư thừa (Do lượng cung > lượng cầu)

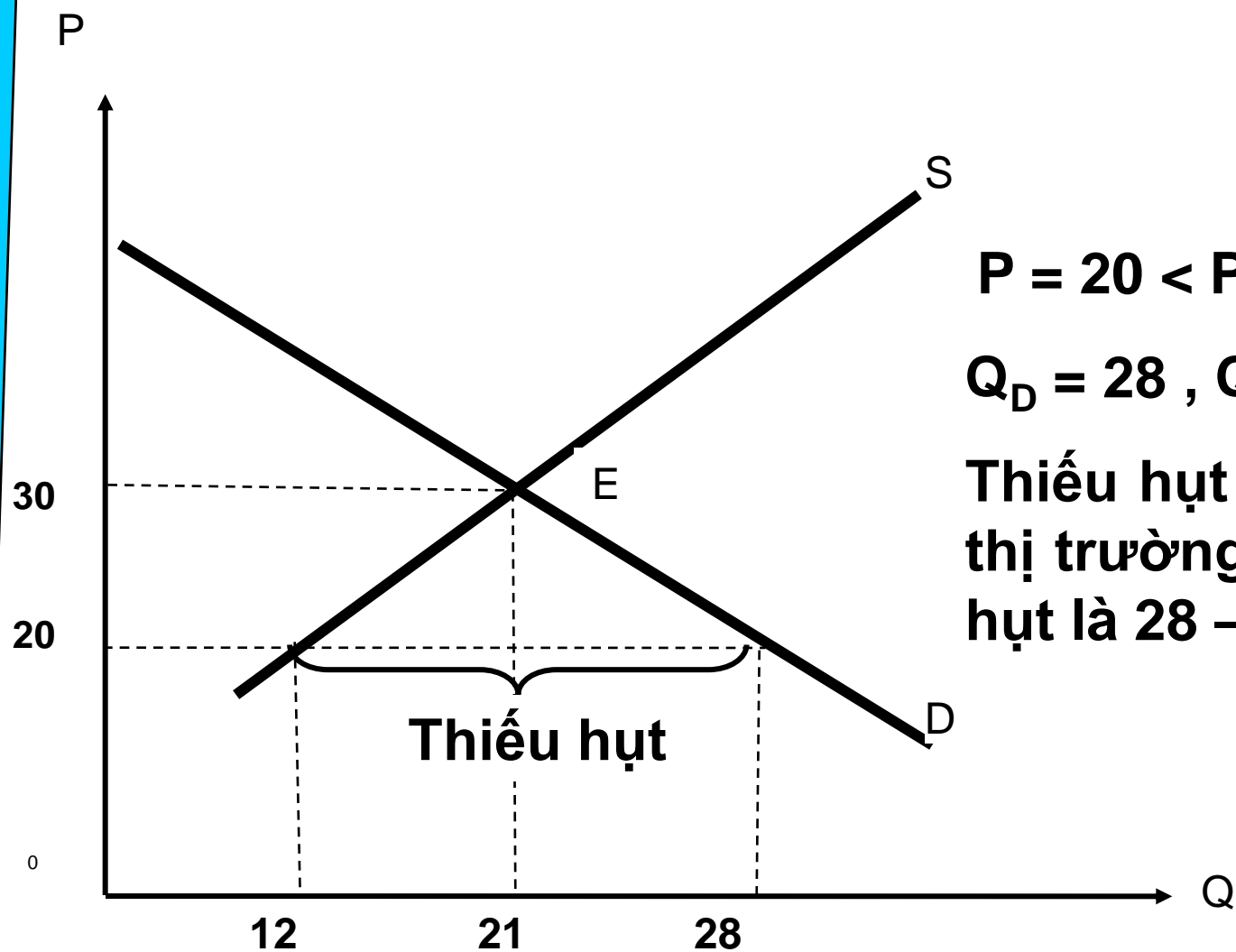


$P = 40 > P^* = 30$. Khi đó

$$Q_D = 14, Q_S = 30$$

Dư thừa hàng hoá trên thị trường. Lượng dư thừa là $30 - 14 = 16$

Trạng thái thiếu hụt (Do lượng cầu > lượng cung)



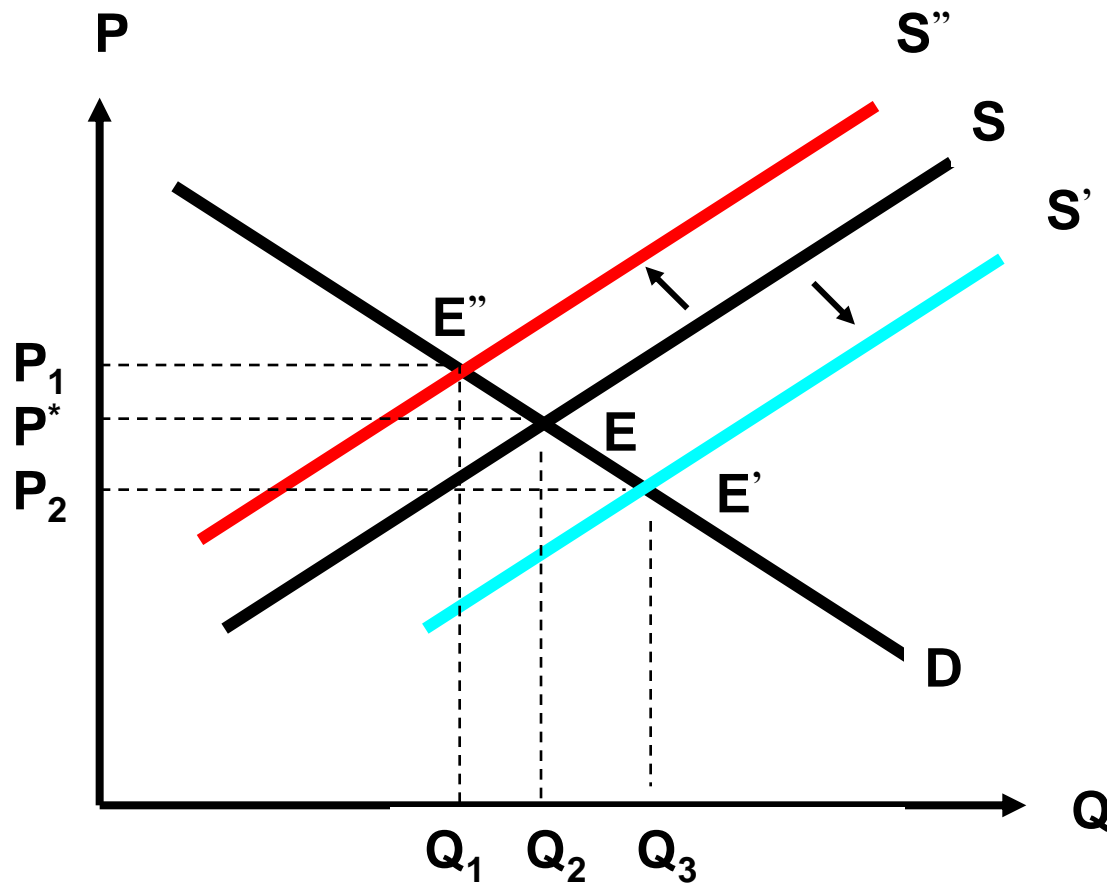
$P = 20 < P^* = 30$. Khi đó

$Q_D = 28$, $Q_S = 12$

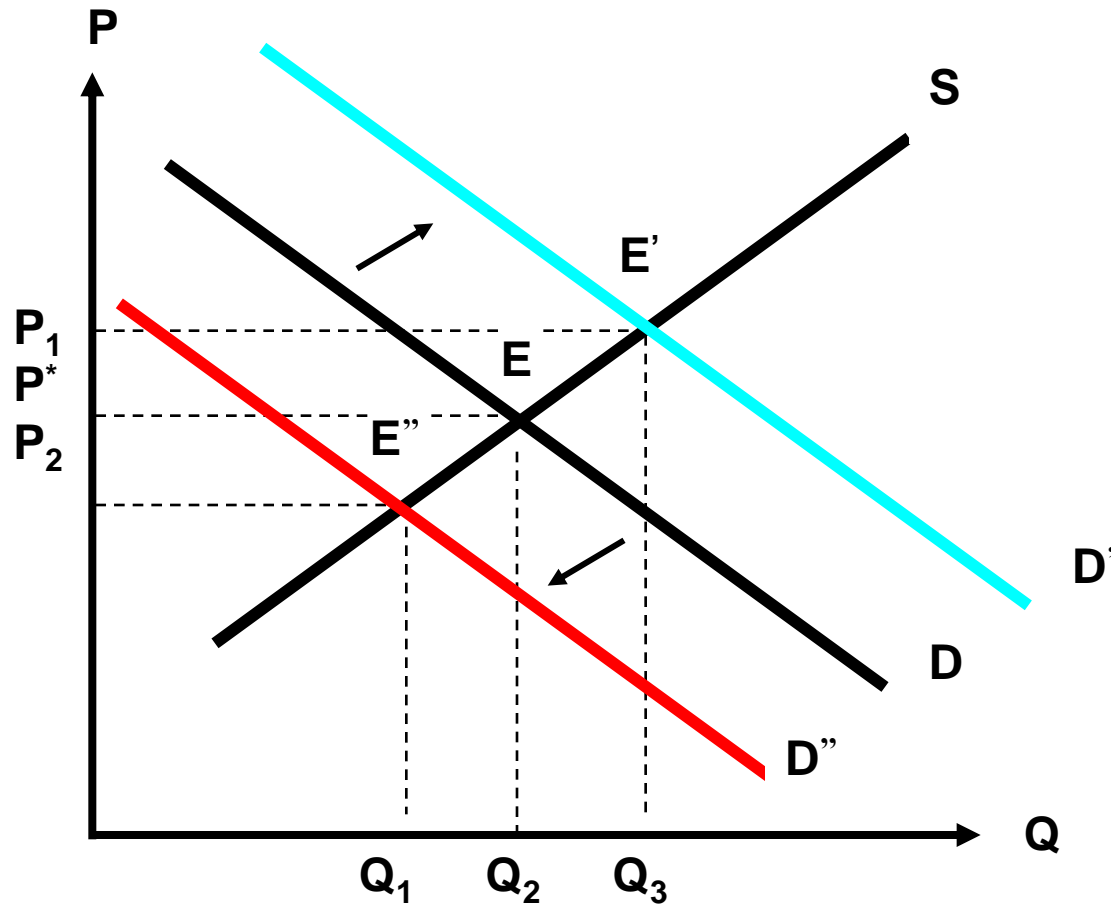
Thiếu hụt hàng hoá trên thị trường. Lượng thiếu hụt là $28 - 12 = 16$

Sự thay đổi trạng thái cân bằng.

Đường cầu không đổi, đường cung dịch chuyển



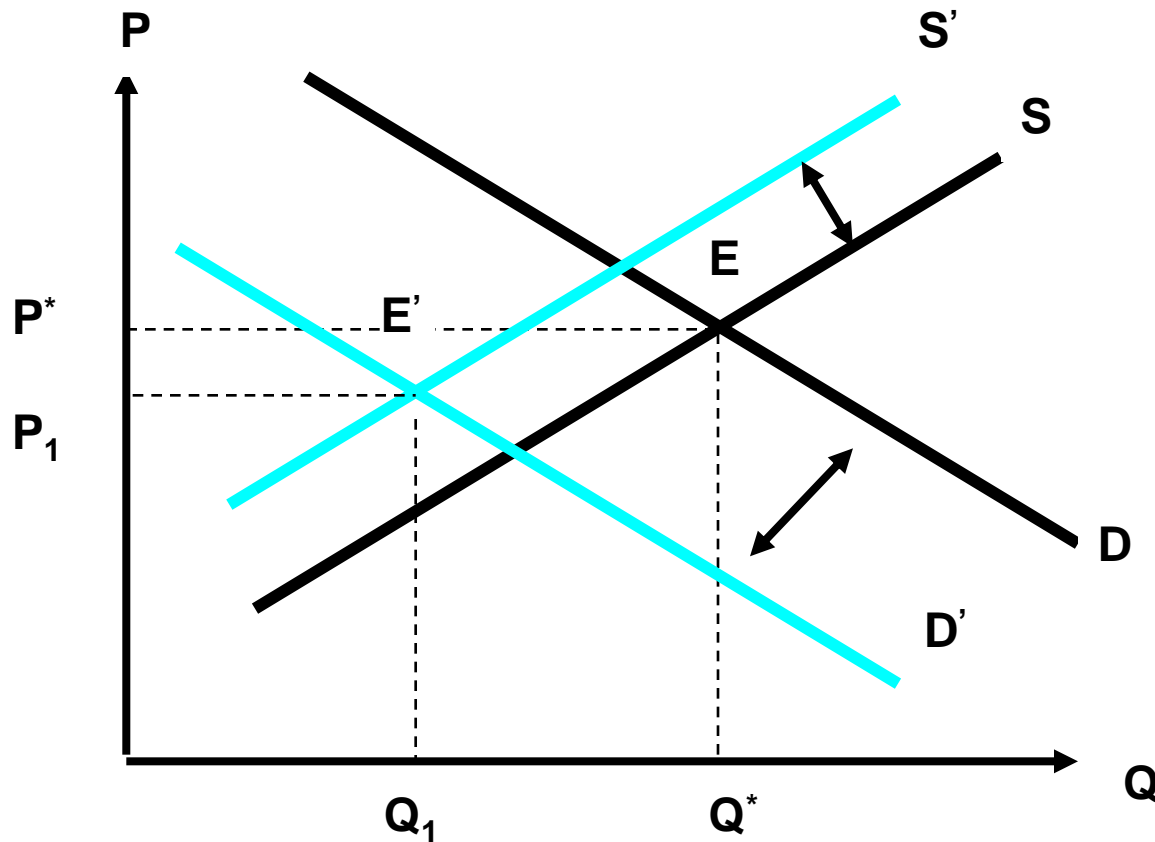
Đường cung không đổi, đường cầu dịch chuyển



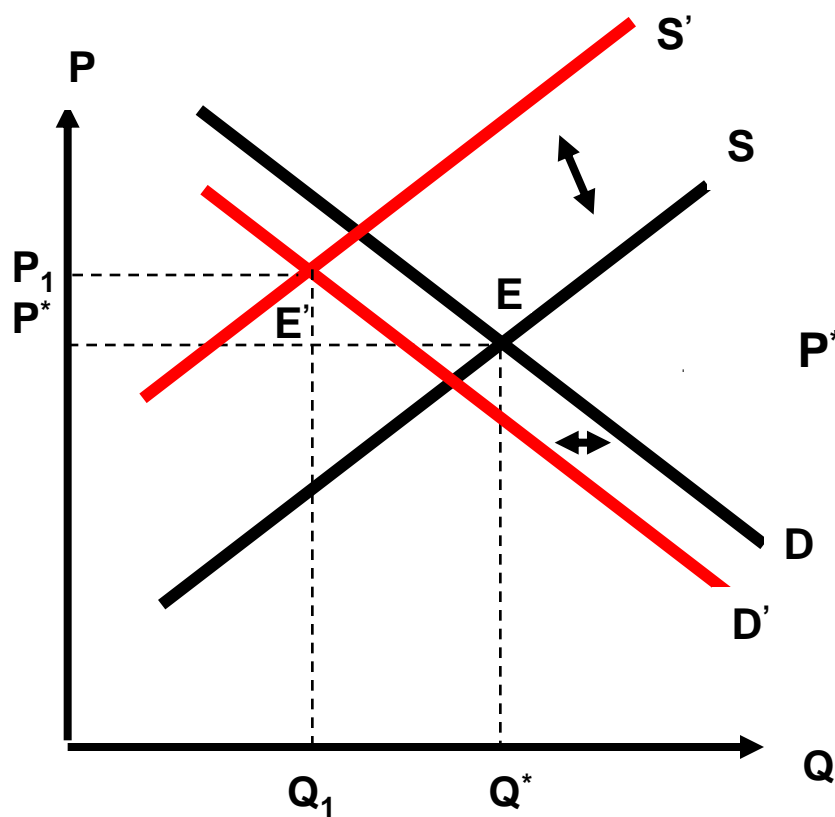
Đường cung và đường cầu đều dịch chuyển

Khi các nhân tố làm dịch chuyển đường cung và đường cầu đều thay đổi dẫn đến cả đường cung và đường cầu đều dịch chuyển. Từ đó xác định được trạng thái cân bằng mới của thị trường. Trong phần này có 4 trường hợp sau:

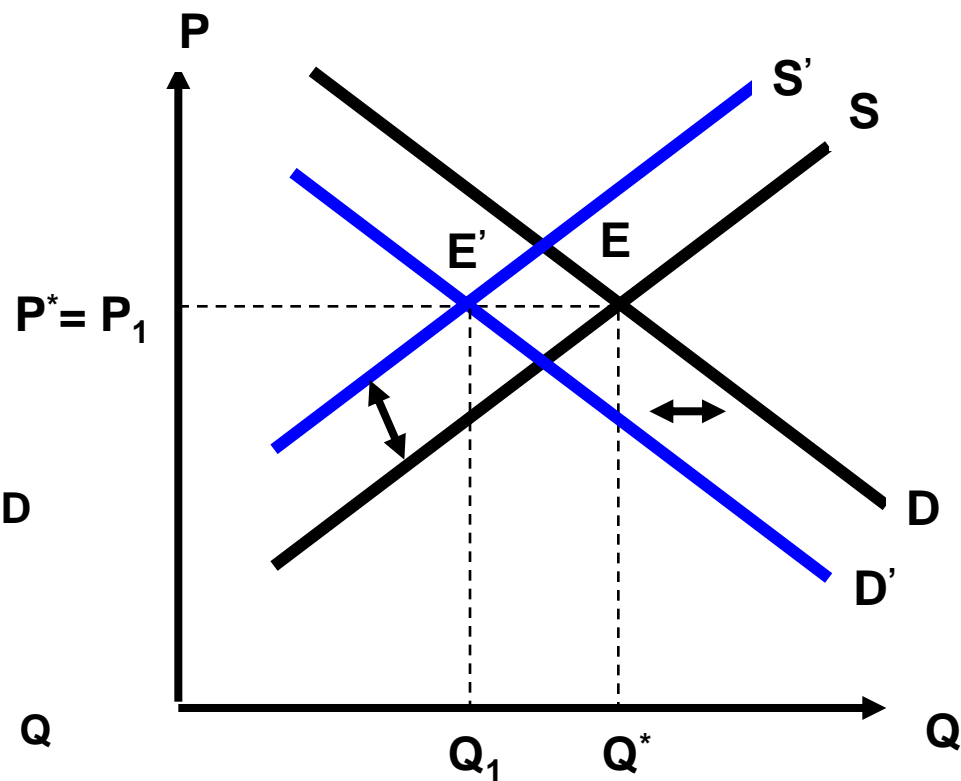
TH 1: Cả đường cung và đường cầu cùng dịch chuyển sang trái



Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 < P^*$, $Q_1 < Q^*$

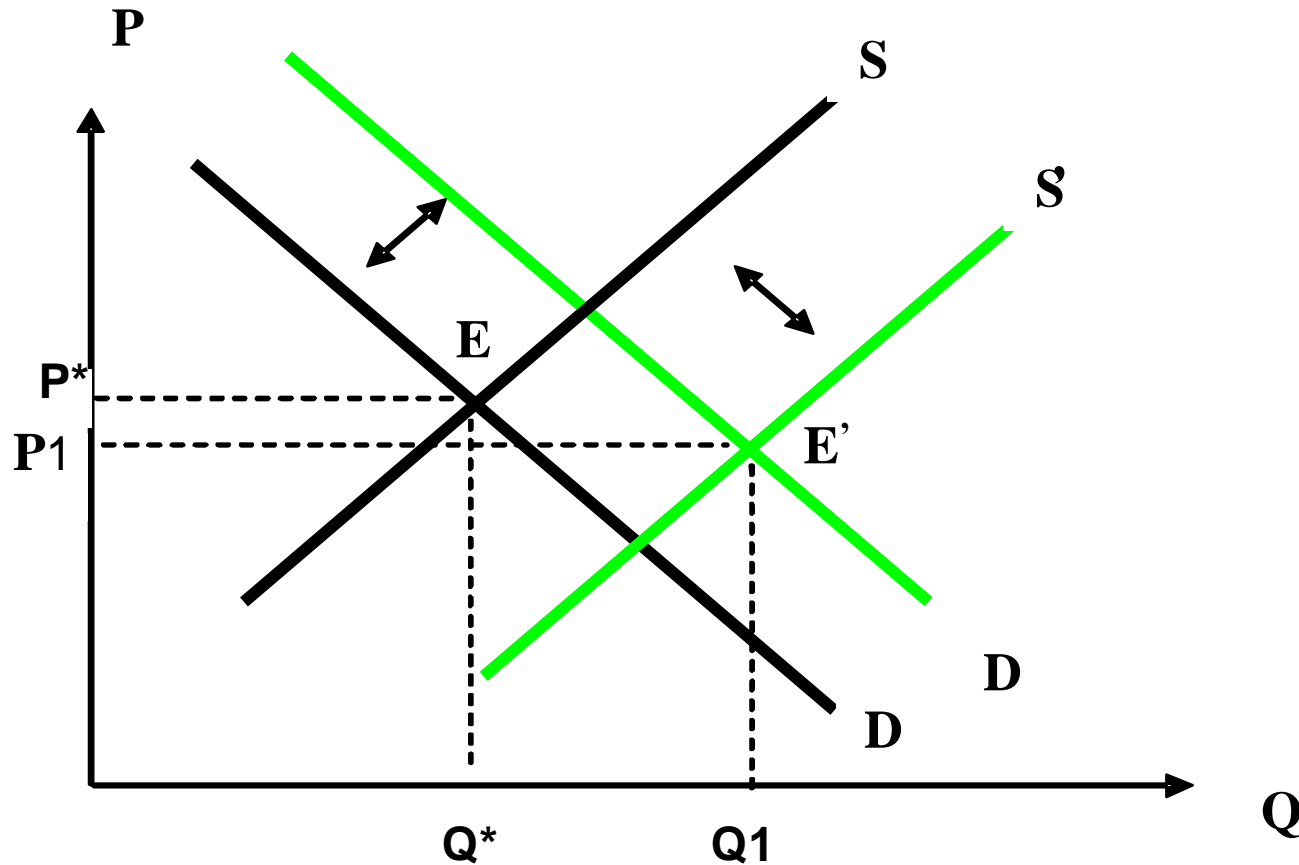


Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 > P^*$, $Q_1 < Q^*$



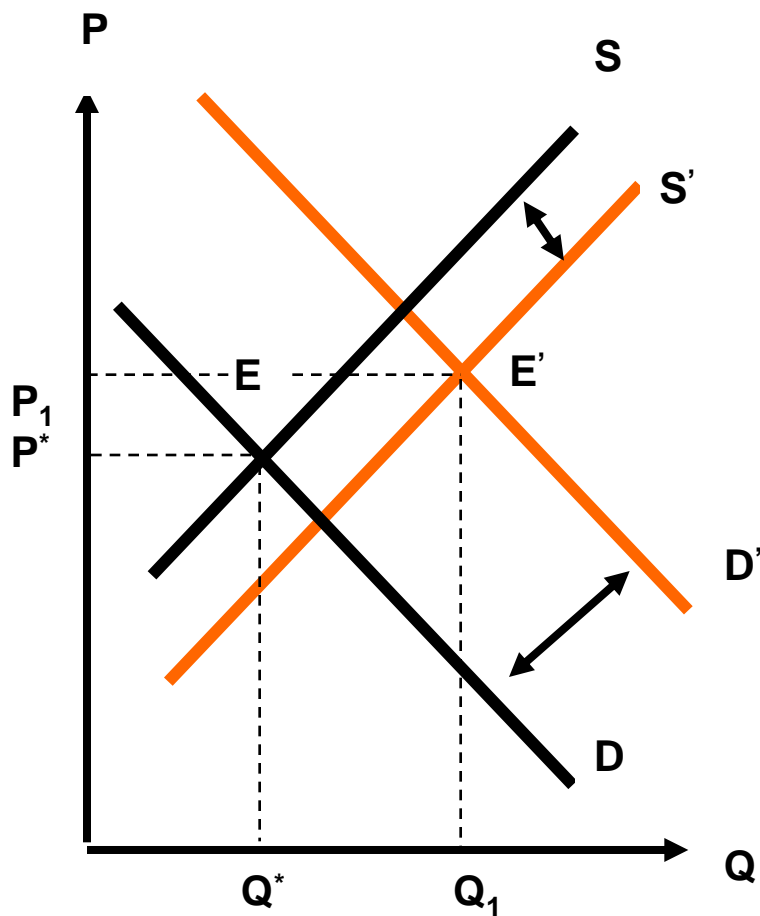
Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 = P^*$, $Q_1 < Q^*$

TH 2: Cả đường cung và đường cầu đều dịch chuyển sang phải

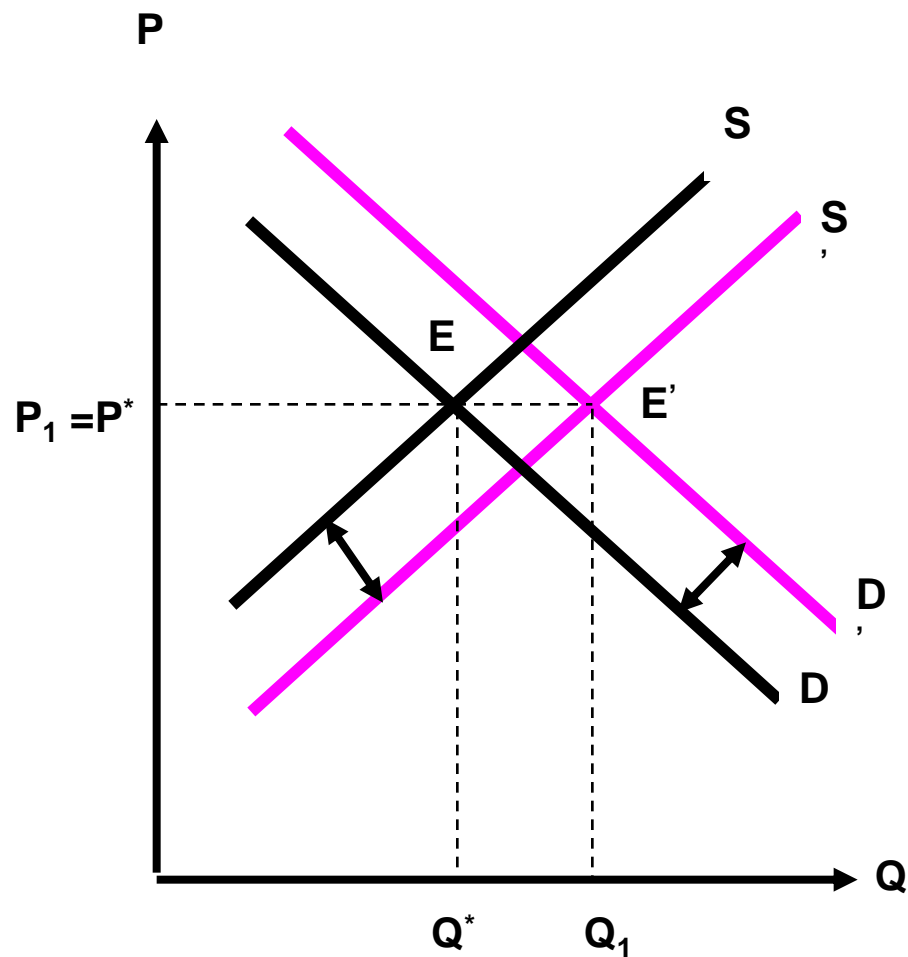


Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$

So sánh: $P_1 < P^*$, $Q_1 > Q^*$

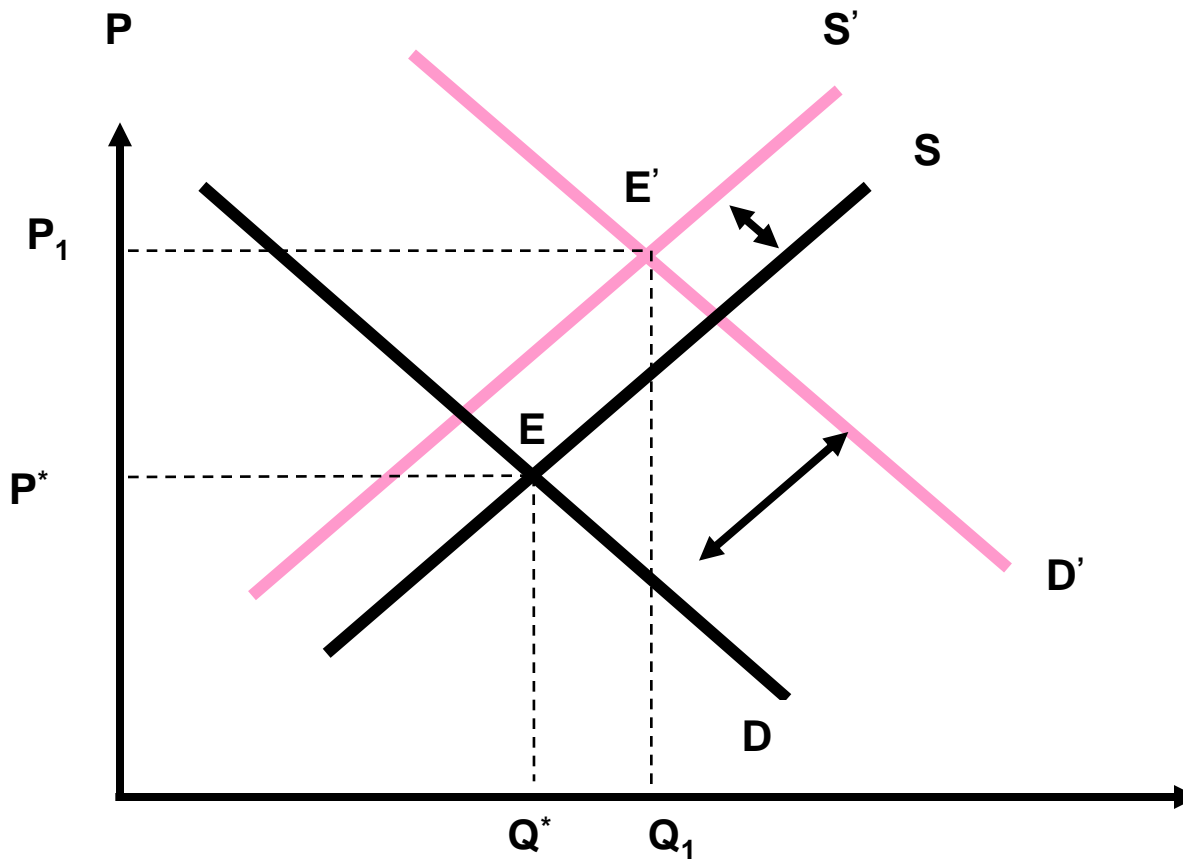


Điểm CB ban đầu E
chuyển vị trí đến điểm E'.
Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 > P^*$, $Q_1 > Q^*$



Điểm CB ban đầu E
chuyển vị trí đến điểm E'.
Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 = P^*$, $Q_1 > Q^*$

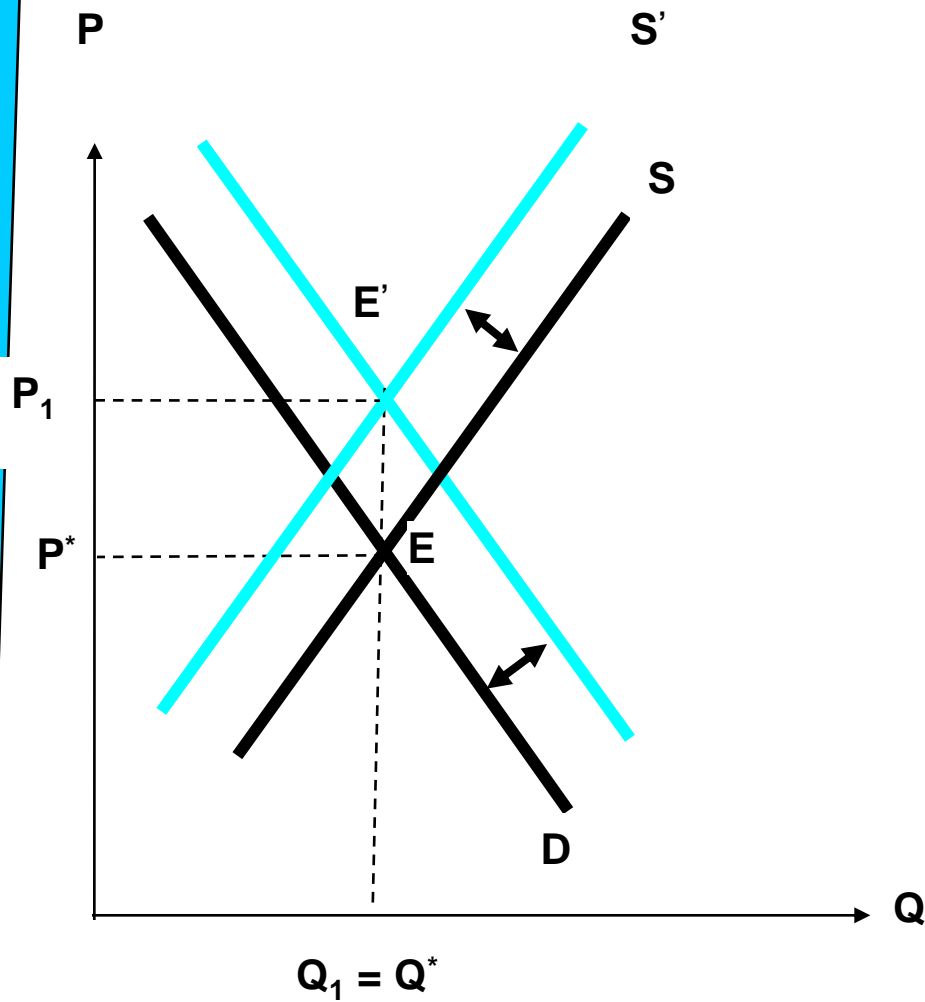
TH 3: Đường cung dịch chuyển sang trái đường cầu dịch chuyển sang phải



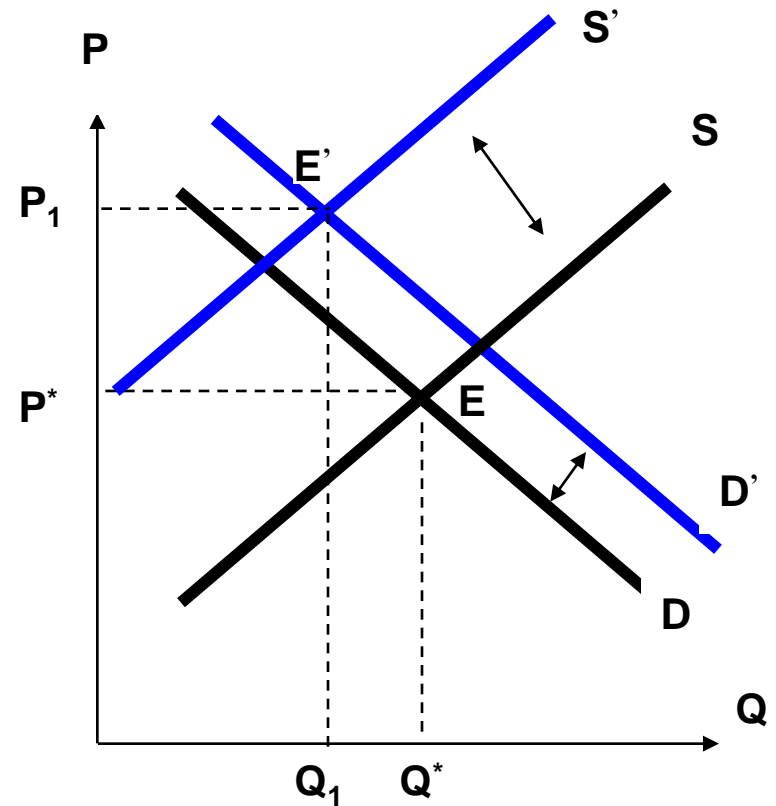
Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'.

Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$

So sánh: $P_1 > P^*$, $Q_1 > Q^*$

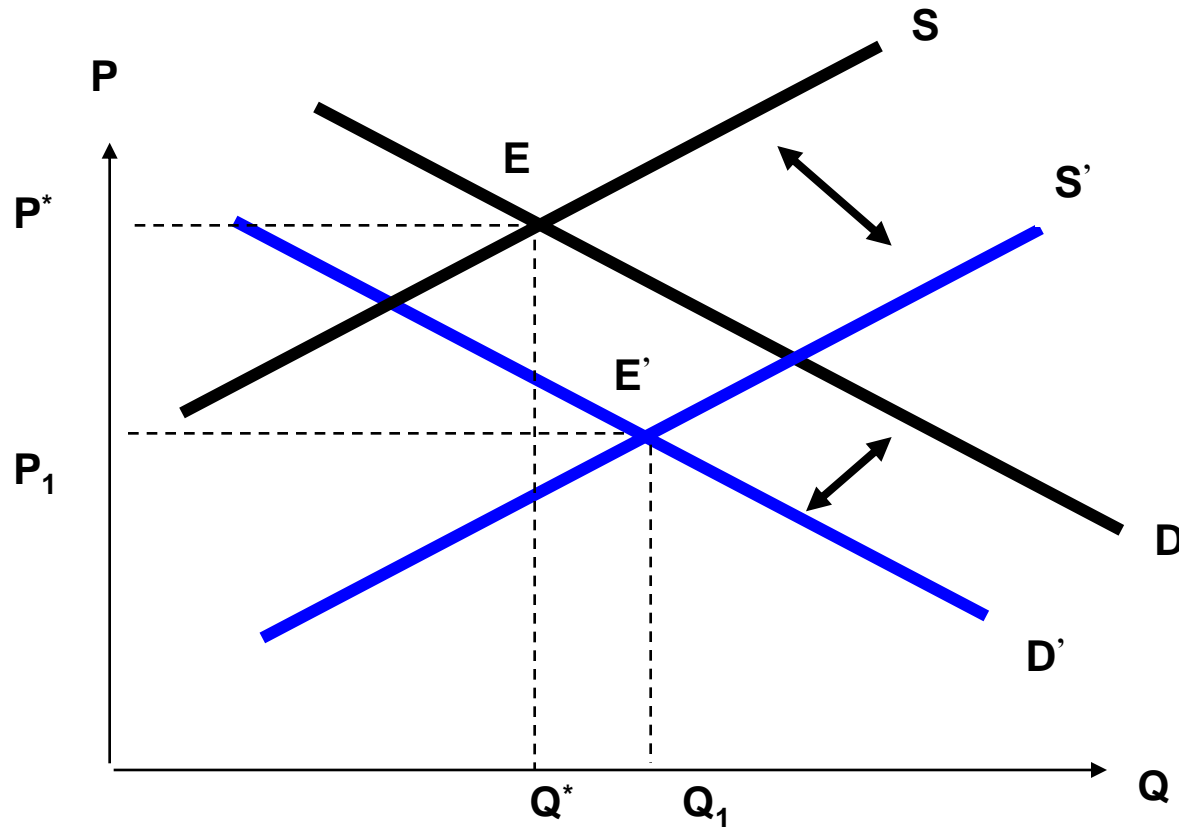


Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
 So sánh: $P_1 > P^*$, $Q_1 = Q^*$

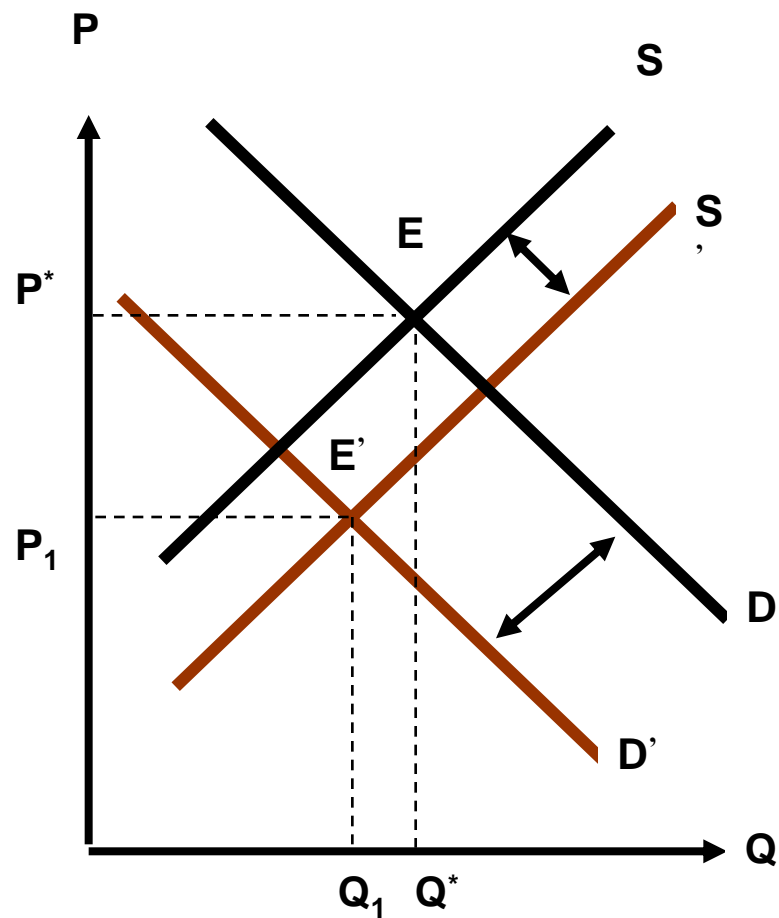


Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
 So sánh: $P_1 > P^*$, $Q_1 < Q^*$

TH 4: Đường cung dịch chuyển sang phải, đường cầu dịch chuyển sang trái



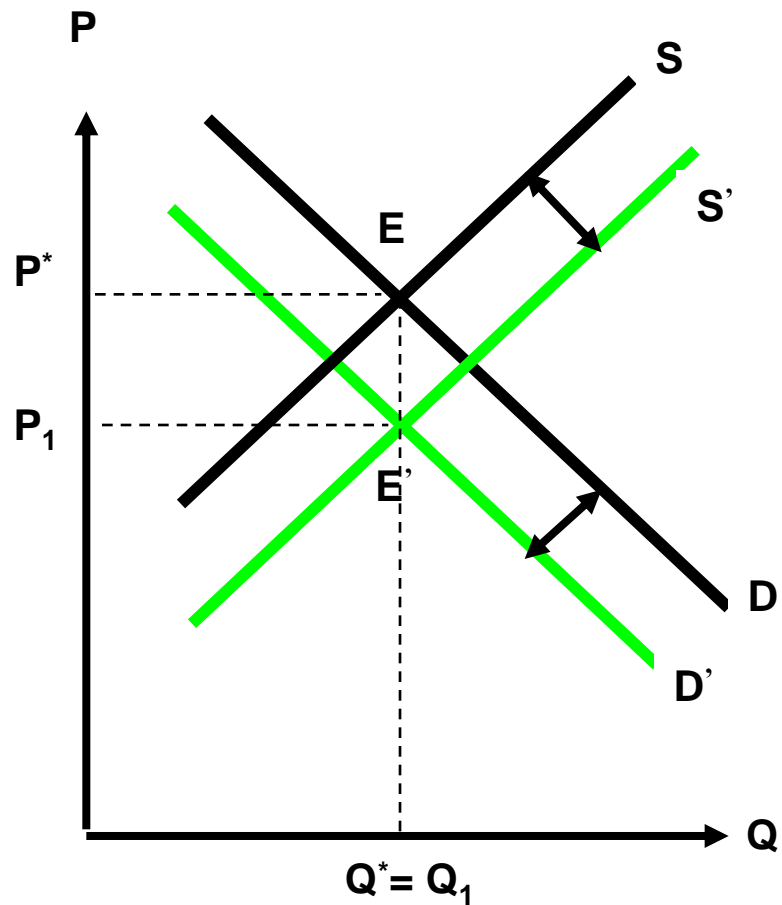
Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$
So sánh: $P_1 < P^*$, $Q_1 > Q^*$



Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'.

Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$

So sánh: $P_1 < P^*$, $Q_1 < Q^*$



Điểm CB ban đầu E chuyển vị trí đến điểm E'. Có $P_{CB} = P_1$, $Q_{CB} = Q_1$

So sánh: $P_1 < P^*$, $Q_1 = Q^*$

1.6. Co giãn

1.6.1. Khái niệm co giãn cầu và phân loại co giãn cầu

- Khái niệm

Độ co giãn của cầu là số đo tính nhạy cảm của biến số cầu đối với một biến số ảnh hưởng đến cầu. Nó được đo bằng phần trăm thay đổi của lượng cầu do có 1% thay đổi của các yếu tố khác ảnh hưởng đến cầu. (với điều kiện các yếu tố khác không đổi)

Công thức tính

$$E_X^D = \frac{\% \Delta Q_D}{\% \Delta X}$$

E_X^D : Độ co giãn của cầu đối với yếu tố X

$\% \Delta X$: là mức % thay đổi của lượng cầu

$\% \Delta Q_D$: là mức % thay đổi của yếu tố X.

Phân loại

+ Độ co giãn của cầu theo giá hàng hoá

Độ co giãn của cầu theo giá cả hàng hoá bằng % thay đổi của lượng cầu chia cho % thay đổi giá của bản thân hàng hoá (với điều kiện các yếu tố khác không đổi)

Công thức tính

$$E_P^D = \frac{\% \Delta Q_D}{\% \Delta P}$$

Trong đó: $\% \Delta Q_D$: là mức % thay đổi của lượng cầu
 $\% \Delta P$: là mức % thay đổi của yếu tố X.

$E_P^D < 0$: vì P và Q_D có quan hệ tỷ lệ nghịch. Phản ánh đường cầu dốc xuống.

Các giá trị có thể có:

$E_P^D > 1$: Cầu co giãn

$E_P^D = 1$: Cầu ít co giãn

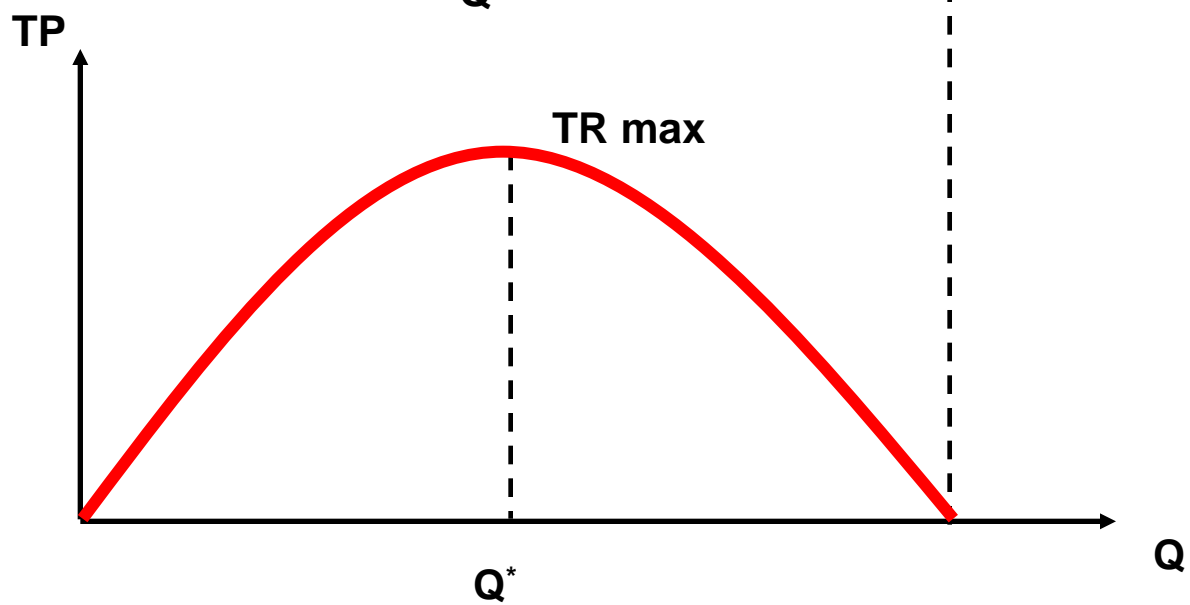
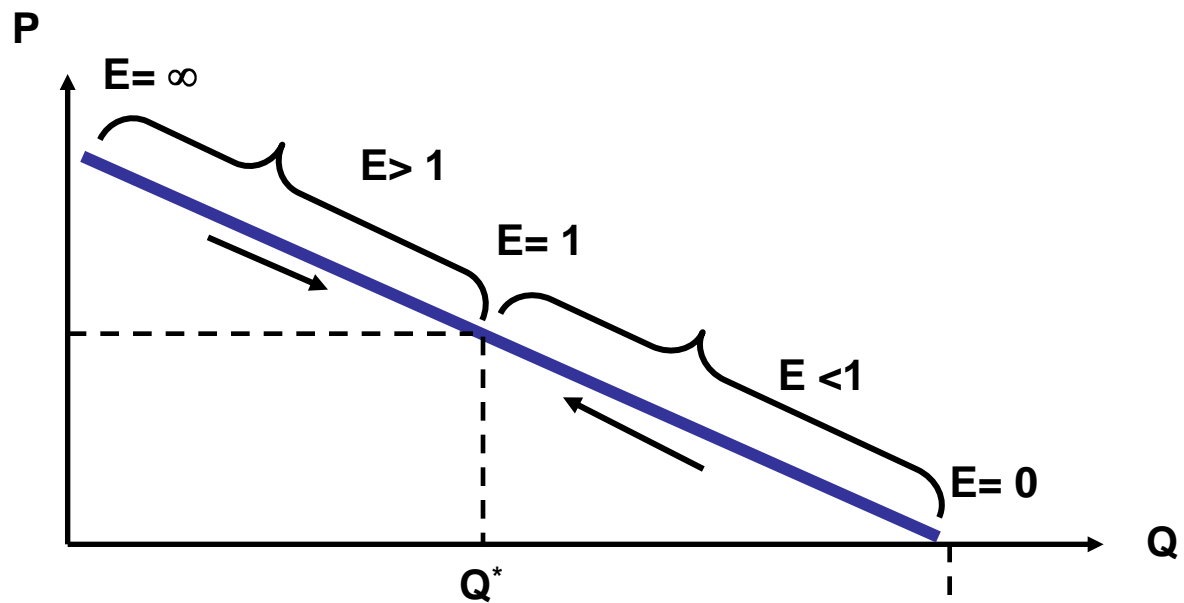
$E_P^D < 1$: Cầu co giãn đơn vị

$E_P^D = 0$: cầu không co giãn.

$E_P^D = \infty$: cầu hoàn toàn co giãn.

Mối quan hệ giữa độ co giãn và doanh thu

Độ co giãn	P tăng TR sẽ	P giảm TR sẽ
$E_P^D > 1$	Giảm	Tăng
$E_P^D < 1$	Tăng	Giảm
$E_P^D = 1$	Không đổi và đạt max	Không đổi và đạt max



+ Độ co dẫn chéo của cầu đối theo giá cả hàng hoá khác.

Độ co dẫn chéo của cầu với giá cả hàng hoá khác là % thay đổi của lượng cầu hàng hoá này so với % thay đổi giá của hàng hoá khác (với điều kiện các nhân khác không đổi)

$$E_{X,Y}^{D} = \frac{\% \Delta Q_{Dx}}{\% \Delta P_Y}$$

Ý nghĩa: $E_{P_Y}^{Dx}$ cho ta biết tác động 1% thay đổi về giá của sản phẩm Y thì lượng cầu của sản phẩm X thay đổi bao nhiêu %

Các giá trị $E_{P_Y}^{Dx}$ có thể có:

$E_{P_Y}^{Dx} > 0$: X, Y là hai hàng hoá thay thế cho nhau

$E_{P_Y}^{Dx} < 0$: X, Y là hai hàng hoá bổ sung cho nhau.

$E_{P_Y}^{Dx} = 0$: X, Y là hai hàng hoá độc lập

+ Độ co giãn của cầu theo thu nhập

Độ co giãn của cầu theo thu nhập của một mặt hàng là % thay đổi của lượng cầu mặt hàng này so với % thay đổi của thu nhập (với điều kiện các yếu tố khác không đổi)

Các giá trị có thể có

$E_I^D < 0$: Hàng hoá đó được gọi là hàng hoá cấp thấp (thứ cấp) vì khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên thì cầu về hàng hoá này giảm.

$E_I^D > 0$: Hàng hoá này được gọi là hàng hoá thông thường (vì khi thu nhập của người tiêu dùng tăng thì cầu về hàng hoá này tăng lên)

Các loại hàng hoá có $E_I^D > 0$ được chia làm 2 loại:

* $0 < E_I^D < 1$: hàng này là hàng hoá thiết yếu.
Vì cầu ít co dãn tốc độ thay đổi của cầu hàng hoá luôn nhỏ hơn tốc độ thay đổi của thu nhập.

VD: Muối, gạo, thuốc chữa bệnh.

* Nếu $E_I^D > 1$: Hàng hoá này là hàng hoá xa xỉ hay cao cấp tốc độ thay đổi của cầu luôn lớn hơn tốc độ thay đổi của thu nhập.

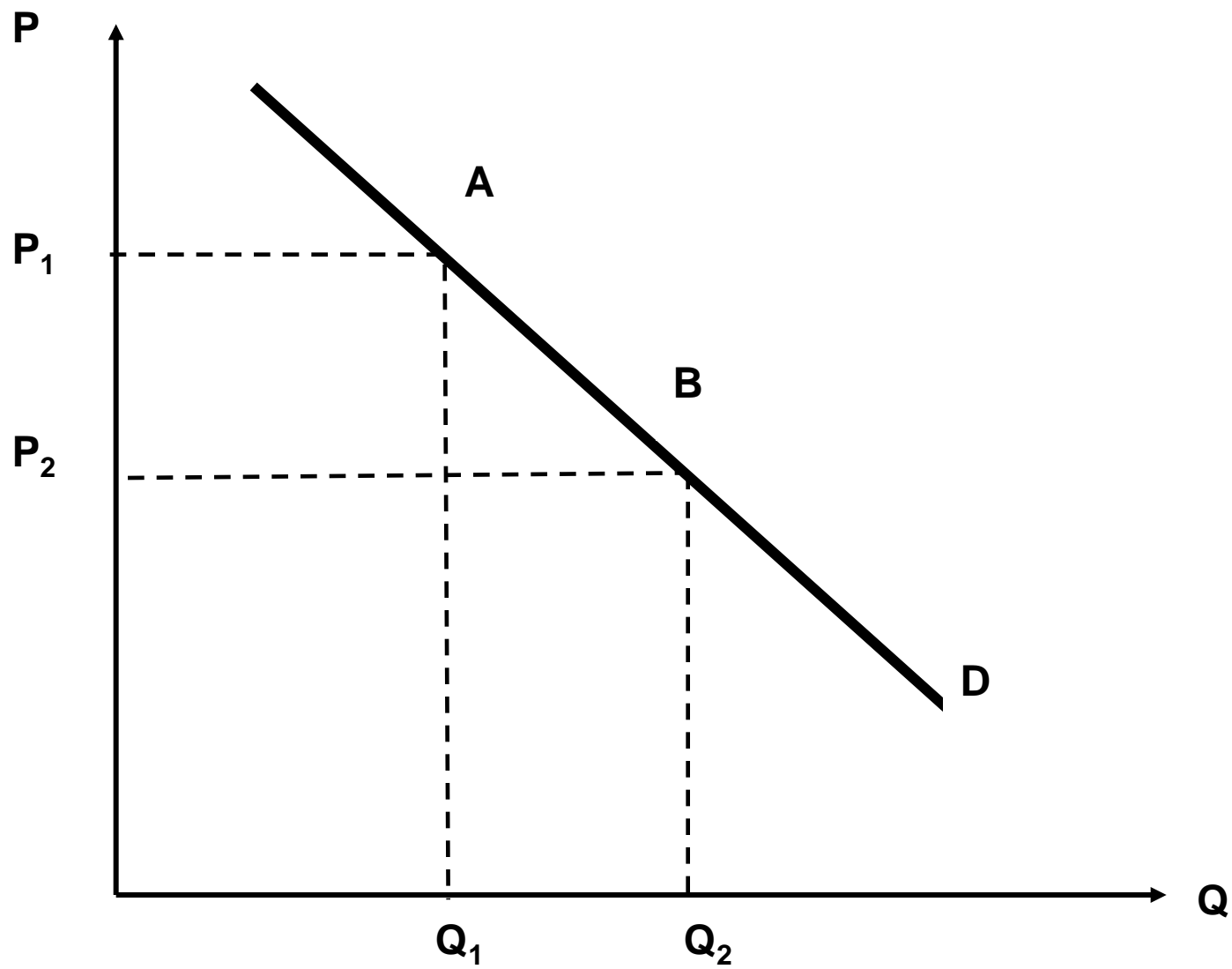
VD: Ti vi, tủ lạnh ($E_I^D \text{ tivi} = 3,5$)

1.6.2. Cách tính độ co giãn của cầu

* *Cách 1: Co giãn khoảng*: là sự co giãn trong 1 khoảng hữu hạn nào đó của đường cầu.

Cách tính co giãn khoảng sử dụng khi các trị số P , Q nằm trong một khoảng nào đó.

VD: Tính độ co giãn trong khoảng AB (tính từ điểm A đến điểm B)



$$\% \Delta Q = \frac{\frac{Q_2 - Q_1}{Q_2 + Q_1}}{2} \qquad \% \Delta P = \frac{\frac{P_2 - P_1}{P_2 + P_1}}{2}$$

Lấy P và Q ở 1 trong 2 đầu mút của khoảng cũng được nhưng tốt nhất là lấy số trung bình cộng.

$$E_P^D = \frac{\frac{\frac{Q_2 - Q_1}{Q_2 + Q_1}}{\frac{Q_2 + Q_1}{2}}}{\frac{\frac{P_2 - P_1}{P_2 + P_1}}{\frac{P_2 + P_1}{2}}} = \frac{Q_2 - Q_1}{Q_2 + Q_1} \times \frac{P_2 + P_1}{P_2 - P_1}$$

Ví dụ

Tính độ co dẫn trong khoảng $P_1 = 10$, $Q_1 = 5400$

$P_2 = 15$, $Q_2 = 4600$

$$E_P^D = \frac{4600 - 5400}{4600 + 5400} \times \frac{15 + 10}{15 - 10} = - 0,4$$

Ý nghĩa: hệ số co dẫn của cầu theo giá cả hàng hoá nói lên khi giá thay đổi 1% thì lượng cầu thay đổi E_P^D %.

$E_P^D = - 0,4$: khi giá thay đổi 1% thì lượng cầu thay đổi 0,4%
(giảm 0,4%)

Cách tính 2: Co dẫn điểm

Vận dụng công thức tính co dẫn khoảng, nhưng chia đường cầu thành nhiều đoạn rất nhỏ gần như một điểm. Ta có công thức tính như sau:

$$E_P^D = \frac{dQ}{dP} \times \frac{P}{Q} = (Q)'_P \times \frac{P}{Q}$$

Ví dụ

Cho phương trình đường cầu $Q = 250 - 2,5P$. Tính độ co dẫn tại điểm

$P = 60, Q = 100$

Bài giải

$$E_P^D = 2,5 * \frac{60}{100} = - 1,5$$

Trong các loại độ co giãn của cung chúng ta quan tâm đến độ co giãn của cung theo giá E_P^S

Độ co giãn của cung theo giá là đại lượng đo sự thay đổi của lượng cung khi có sự thay đổi của giá hàng hoá. Nó được tính bằng phần trăm thay đổi của lượng cung chia cho phần trăm thay đổi của giá cả hàng hoá đó.

$$E_P^S = \frac{\% \Delta Q_s}{\% \Delta P} > 0$$